

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 4 - 2026

V/v: Yêu cầu ly hôn, giải
quyết về con chung khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Quang.

2. Ông Y Dhiều Hmok.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Trương Thị Thảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 202/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2026, về việc: *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1980, căn cước công dân số 017180006113.

Địa chỉ: Thôn E, xã ED, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Hi, sinh năm 1972, căn cước công dân số 0420722000620.

Địa chỉ: Thôn E, xã ED, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 18/12/2025, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Hi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ED, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân

dân xã ED, tỉnh Đắk Lắk), theo giấy chứng nhận kết hôn số 056/Tp, quyển số 01, ngày 21/4/2000. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng tôi thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm, đã tự hoà giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khiến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân từ cuối năm 2025 đến nay. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phan Văn Hi.

Về con chung: Chúng tôi có 03 người con chung, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho anh Hi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Văn Hn, sinh ngày 02/8/2012 đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con là Phan Thị Thanh Hg, sinh ngày 05/11/1999 và Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 05/11/2005 đều đã đủ 18 tuổi, tôi không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh Phan Văn Hi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn Hi quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy báo tham gia tố tụng, tham gia phiên họp, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Phan Văn Hi không có văn bản nêu ý kiến, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không thể tiến hành hoà giải được. Khi Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã cấp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Phan Văn Hi vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Hà Thị H được ly hôn với anh Phan Văn Hi.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Văn Hn, sinh ngày 02/8/2012 cho anh Phan Văn Hi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với con là Phan Thị Thanh Hg, sinh ngày 05/11/1999 và Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 05/11/2005 đều đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng: Chị Hà Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Phan Văn Hi đã được cấp, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị H và anh Hi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ED, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã ED, tỉnh Đắk Lắk), theo giấy chứng nhận kết hôn số 056/TP, quyển số 01, ngày 21/4/2000 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị H cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở, chị H và anh Hi đã ly thân là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị H và anh Hi, thể hiện quá trình chung sống chị H và anh Hi có mâu thuẫn, đã sống ly thân, trước đây ban tự quản thôn đã hoà giải nhưng không thành. Do đó, có căn cứ xác định, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Hi xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp nhận, cho chị H được ly hôn với anh Hi là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Hi có ba người con chung, trong đó cháu Phan Văn Hn, sinh ngày 02/8/2012 chưa đủ 18 tuổi, từ khi không còn chung sống cháu Hn vẫn do anh Hi trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hn có nguyện vọng được ở với anh Hi, chị H cũng yêu cầu giao cháu Hn cho anh Hi trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo nơi sinh sống, học tập nên cần chấp nhận, giao cháu Hn cho anh Phan Văn Hi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với con là Phan Thị Thanh Hg, sinh ngày 05/11/1999 và Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 05/11/2005 đều đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Hà Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị H được ly hôn với anh Phan Văn Hi.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phan Văn Hn, sinh ngày 02/8/2012 cho anh Phan Văn Hi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Đối với con là Phan Thị Thanh Hg, sinh ngày 05/11/1999 và Phan Thị Thanh H1, sinh ngày 05/11/2005 đều đã đủ 18 tuổi, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006315 ngày 29/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- UBND xã ED, tỉnh Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân